

Số: *418* /QĐ - ĐHTCQTKD

Hưng Yên, ngày *15* tháng 12 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Điều chỉnh, bổ sung Chiến lược phát triển Trường Đại học Tài chính – Quản trị kinh doanh giai đoạn 2021-2025, định hướng 2030

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI CHÍNH-QUẢN TRỊ KINH DOANH

Căn cứ Quyết định số 1320/QĐ-TTg ngày 18/9/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Tài chính - Quản trị kinh doanh trực thuộc Bộ Tài chính;

Căn cứ quyết định số 2910/QĐ-BTC ngày 14/11/2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Tài chính - Quản trị kinh doanh trực thuộc Bộ Tài chính;

Căn cứ Quyết định số 538/QĐ-BTC ngày 24/3/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc Quy định phân cấp quản lý công chức, viên chức tại các đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ Tài chính;

Căn cứ Quyết định số 2773/QĐ-BTC ngày 12/11/2013 của Bộ Trưởng Bộ Tài chính phê duyệt Chiến lược phát triển Trường Đại học Tài chính – Quản trị kinh doanh giai đoạn 2013-2020 và định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Nghị quyết của Hội đồng trường Trường Đại học Tài chính – Quản trị kinh doanh họp ngày 25/11/2020 thông qua Điều chỉnh, bổ sung Chiến lược phát triển Trường Đại học Tài chính – Quản trị kinh doanh giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Nghị quyết của Đảng ủy Trường Đại học Tài chính – Quản trị kinh doanh họp ngày 11/12/2020 thông qua Điều chỉnh, bổ sung Chiến lược phát triển Trường Đại học Tài chính – Quản trị kinh doanh giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tổ chức cán bộ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Điều chỉnh, bổ sung Chiến lược phát triển Trường Đại học Tài chính – Quản trị kinh doanh giai đoạn 2021-2025, định hướng 2030. (có văn bản kèm theo)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Trường các đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này ./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài chính (để b/c)
- Đảng ủy, HĐT (để b/c)
- Ban Giám hiệu (để c/đ);
- Các đơn vị, đoàn thể (để t/h);
- Lưu: VT, TCCB.



TS. Nguyễn Trọng Nghĩa

BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI CHÍNH – QUẢN TRỊ KINH DOANH
---&---

ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG CHIẾN LƯỢC
PHÁT TRIỂN TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI CHÍNH – QUẢN TRỊ KINH
DOANH GIAI ĐOẠN 2021 - 2025, ĐỊNH HƯỚNG 2030
(Kèm theo Quyết định số 18/QĐ-ĐHTCQTKD ngày 15 tháng 12 năm 2020
của Trường Đại học Tài chính – Quản trị kinh doanh)

Hưng Yên, tháng 12 năm 2020

MỞ ĐẦU

Trường Đại học Tài chính – Quản trị kinh doanh được thành lập ngày 18 tháng 9 năm 2012 theo Quyết định số 1320/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ trên cơ sở nâng cấp Trường Cao đẳng Tài chính – Quản trị kinh doanh. Trường là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Bộ Tài chính.

Nhà trường có nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực các ngành, chuyên ngành thuộc lĩnh vực kinh tế, tài chính, kế toán, quản trị kinh doanh và các ngành nghề kinh tế khác ở trình độ đại học, sau đại học; Thực hiện nghiên cứu khoa học và ứng dụng trong lĩnh vực tài chính, kế toán, kinh tế, quản trị kinh doanh cung cấp những sản phẩm có chất lượng đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội ngày càng cao của đất nước nói chung và khu vực vùng đồng bằng Sông Hồng nói riêng. Trải qua 55 năm xây dựng và phát triển, Trường đã có nhiều đóng góp to lớn cho sự nghiệp đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài cho ngành Tài chính nói riêng, cho đất nước nói chung.

Để định hướng phát triển Nhà trường, đáp ứng nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực về kinh tế, tài chính, kế toán, quản trị kinh doanh cho ngành và cho xã hội. Năm 2013, Trường đã xây dựng Chiến lược phát triển Trường giai đoạn 2013-2020, định hướng đến năm 2030 và đã được Bộ Tài chính phê duyệt tại Quyết định số 2773/QĐ-BTC ngày 12 tháng 11 năm 2013. Ngày 12 tháng 4 năm 2016, Nhà trường đã có Báo cáo sơ kết thực hiện Chiến lược phát triển trường giai đoạn 2013-2015, đánh giá kết quả đạt được, những hạn chế trong thực hiện Chiến lược và đề xuất điều chỉnh Chiến lược giai đoạn 2016-2020, định hướng đến năm 2030. Việc thực hiện Chiến lược phát triển trường giai đoạn 2013-2020 đã đạt được những kết quả nhất định góp phần quan trọng vào việc xây dựng và phát triển Trường.

Trước tình hình biến đổi nhanh chóng của thực tiễn kinh tế, xã hội của đất nước cũng như của Nhà trường, nhiều vấn đề phát sinh đòi hỏi Kế hoạch chiến lược phát triển trường phải được xem xét, điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với tình hình mới và đáp ứng sự phát triển nội tại của Nhà trường.

Cuối năm 2019, Nhà trường đã ban hành Kế hoạch rà soát, chỉnh sửa, bổ sung Chiến lược phát triển trường giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 và đã thành lập Tổ rà soát, chỉnh sửa, bổ sung. Tổ rà soát, chỉnh sửa, bổ sung tiến hành xây dựng, thảo luận chi tiết và sau đó tổ chức lấy ý kiến của các bên liên quan để hoàn chỉnh sửa đổi, bổ sung Chiến lược phát triển trường giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030.

Phần thứ nhất
SỨ MẠNG, TÂM NHÌN, MỤC TIÊU VÀ GIÁ TRỊ CỐT LÕI CỦA
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI CHÍNH – QUẢN TRỊ KINH DOANH

Sứ mạng:

Trường Đại học Tài chính – Quản trị kinh doanh có sứ mạng cung cấp các sản phẩm đào tạo và nghiên cứu khoa học có chất lượng, có thương hiệu trong nước và khu vực về các lĩnh vực: kinh tế, tài chính, kế toán, quản trị kinh doanh góp phần quan trọng vào sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế.

Tâm nhìn:

Trường Đại học Tài chính – Quản trị kinh doanh phấn đấu đến năm 2025 trở thành trường đại học đào tạo có tính ứng dụng uy tín ở Việt Nam, phấn đấu đến năm 2030 trở thành trường đại học có uy tín ở khu vực Đông Nam Á.

Mục tiêu:

Xây dựng Trường Đại học Tài chính - Quản trị kinh doanh thành trường đào tạo có tính ứng dụng; vững mạnh toàn diện theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa (chuẩn về chương trình đào tạo, đội ngũ cán bộ giảng dạy; cơ sở vật chất kỹ thuật dạy học; hệ thống quản lý).

Giá trị cốt lõi:

Chất lượng – Chuyên nghiệp – Hiện đại

- **Chất lượng:** Chất lượng là yếu tố sống còn của Nhà trường, làm nên thương hiệu Nhà trường. Phát triển các nguồn lực, đầu tư cho chất lượng là yếu tố quyết định thương hiệu của Trường Đại học Tài chính – Quản trị kinh doanh.

- **Chuyên nghiệp:** Đội ngũ cán bộ, viên chức và người lao động Trường Đại học Tài chính – Quản trị kinh doanh luôn hướng tới sự chuyên nghiệp trong đào tạo, được thể hiện qua tác phong làm việc, giảng dạy kết hợp với việc nắm vững kiến thức chuyên môn, thực tiễn đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục đại học hiện nay.

- **Hiện đại:** Trường Đại học Tài chính – Quản trị kinh doanh phấn đấu xây dựng mô hình giáo dục hiện đại, trong đó đẩy mạnh áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào trong mọi hoạt động của Nhà trường. Đặc biệt chú trọng đào tạo nguồn nhân lực tài chính, kế toán, quản trị kinh doanh đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế tri thức ở Việt Nam trong thời kỳ Cách mạng công nghiệp 4.0.

Phần thứ hai
BỐI CẢNH VÀ THỰC TRẠNG THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC
PHÁT TRIỂN TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI CHÍNH – QUẢN TRỊ KINH
DOANH GIAI ĐOẠN 2013-2020

1. Bối cảnh thực hiện Chiến lược

Cuộc cách mạng khoa học công nghệ tiếp tục phát triển với những bước tiến nhảy vọt trong thế kỷ 21, đưa thế giới chuyển từ kỷ nguyên công nghiệp sang kỷ nguyên thông tin và phát triển kinh tế tri thức, kho tàng kiến thức của nhân loại ngày càng đa dạng, phong phú và tăng theo cấp số nhân, đòi hỏi chất lượng đào tạo liên tục tăng lên ở tầm cao mới.

Toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế là một xu thế tất yếu khách quan, vừa là quá trình hợp tác để phát triển, vừa là quá trình đấu tranh để bảo vệ lợi ích quốc gia, dân tộc. Sự cạnh tranh trong phát triển kinh tế ở nhiều cấp độ khác nhau trong nội bộ mỗi quốc gia và giữa các quốc gia diễn ra ngày càng gay gắt, quyết liệt đòi hỏi phải không ngừng tăng năng suất lao động, nâng cao chất lượng hàng hóa và đổi mới công nghệ. Vì vậy, để nâng cao chất lượng đào tạo đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội là vấn đề sống còn của mỗi một trường đại học.

Những thành tựu của công cuộc đổi mới đất nước đã tạo ra những cơ hội cho sự phát triển toàn diện, trong đó có giáo dục và đào tạo.

Trong sự nghiệp công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước, khu vực đồng bằng Sông Hồng là khu vực có vị trí đặc biệt quan trọng trong chiến lược phát triển kinh tế, xã hội và an ninh quốc phòng. Nhu cầu nhân lực về kinh tế, tài chính ngân hàng, kế toán, quản trị kinh doanh... có trình độ cao và đa dạng được đào tạo tại chỗ phục vụ chiến lược phát triển của địa phương đã trở nên hết sức cấp thiết.

Trải qua 55 năm xây dựng và phát triển, ngoài trách nhiệm đào tạo và bồi dưỡng đội ngũ cán bộ về kinh tế, tài chính, kế toán, quản trị kinh doanh các trình độ phục vụ cho sự nghiệp xây dựng phát triển ngành Tài chính, một trong những ngành kinh tế quan trọng của đất nước, Trường Đại học Tài chính – Quản trị kinh doanh còn đào tạo đội ngũ lao động có trình độ cao phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế xã hội của đất nước nói chung, khu vực đồng bằng Sông Hồng nói riêng.

2. Thực trạng thực hiện Chiến lược phát triển Trường giai đoạn 2013-2020

2.1. Tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ, viên chức

Trường đã kiện toàn cơ cấu tổ chức bộ máy theo Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường được Bộ Tài chính phê duyệt. Đồng thời phân định rõ chức năng nhiệm vụ cụ thể của từng đơn vị nhằm đạt hiệu quả cao trong hoạt động.

Cơ cấu tổ chức của Trường hiện nay gồm 23 đơn vị, trong đó có 09 khoa, 08 phòng, 01 ban, 01 trạm và 04 trung tâm. Tổng số cán bộ, viên chức và người lao

động tính đến 30/11/2020 là 267 người, trong đó có 204 giảng viên (chiếm 76 %); 63 cán bộ, viên chức quản lý và phục vụ (chiếm 24 %); số cán bộ, viên chức có trình độ từ thạc sỹ trở lên là 227 người (Phó giáo sư, Tiến sỹ: 18; Thạc sỹ: 209).

- Công tác xây dựng Quy chế: Trường đã xây dựng Đề án đánh giá thực trạng đội ngũ cán bộ, giảng viên của trường; Chế độ công tác giảng viên; Quy định tiêu chuẩn chức danh lãnh đạo các đơn vị thuộc trường; Quy chế đánh giá, phân loại lao động và thi đua khen thưởng; Quy chế phối hợp giữa Ban Giám hiệu và Công đoàn trường; Quy chế dân chủ trong hoạt động của nhà trường; Quy chế đào tạo, bồi dưỡng viên chức; Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian giữ chức vụ, thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm viên chức giữ chức vụ lãnh đạo các đơn vị; Quy chế nâng bậc lương thường xuyên, nâng phụ cấp thâm niên vượt khung và nâng lương trước hạn; Quy định về tuyển dụng viên chức, người lao động; Đề án vị trí việc làm; Thành lập Hội đồng trường theo quy định của Điều lệ trường đại học và Đề án tinh giản biên chế giai đoạn 2015 - 2021 theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ.

- Công tác quy hoạch cán bộ, bổ nhiệm cán bộ: Thực hiện Chỉ thị số 05-CT/BCSD, ngày 30/8/2013 của Ban Cán sự Đảng Bộ Tài chính đã tiến hành rà soát, bổ sung quy hoạch cán bộ lãnh đạo giai đoạn 2011 - 2015 đối với 82 người và giai đoạn 2016-2021 đối với 84 người. Năm 2015 triển khai rà soát, bổ sung quy hoạch cán bộ lãnh đạo các cấp giai đoạn 2016 – 2021 đối với 101 lượt người. Năm 2017 triển khai rà soát, bổ sung quy hoạch cán bộ lãnh đạo các cấp giai đoạn 2016-2021 và quy hoạch cán bộ lãnh đạo các đơn vị giai đoạn 2021-2026 đối với 212 lượt người. Năm 2018 thực hiện rà soát, quy hoạch cán bộ lãnh đạo các đơn vị giai đoạn 2016-2021 và giai đoạn 2021-2026 đối với 202 lượt người. Năm 2020 thực hiện rà soát, bổ sung quy hoạch viên chức lãnh đạo các đơn vị giai đoạn 2021-2026 với 119 lượt người.

Đối với công tác điều động, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại cán bộ lãnh đạo các đơn vị. Năm 2015, thực hiện bổ nhiệm 02 lãnh đạo bộ môn. Năm 2016, thực hiện điều động, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại 19 đồng chí lãnh đạo các đơn vị, bộ môn. Năm 2017, thực hiện điều động, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại 23 đồng chí lãnh đạo các đơn vị, bộ môn. Năm 2018, thực hiện điều động, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại 11 đồng chí lãnh đạo các đơn vị. Năm 2019, thực hiện điều động, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại 17 đồng chí lãnh đạo các đơn vị. Năm 2020, thực hiện bổ nhiệm, bổ nhiệm lại 11 đồng chí lãnh đạo các đơn vị, bộ môn.

Năm 2019, Bộ Tài chính bổ nhiệm 01 đồng chí Phó hiệu trưởng nhà trường.

- Công tác tuyển dụng giảng viên: Trên cơ sở đề án tuyển dụng được Bộ Tài chính phê duyệt, đã thực hiện đầy đủ các bước theo đề án; tổ chức đợt thi tuyển nghiêm túc, công bằng, dưới sự giám sát chặt chẽ của Bộ Tài chính và báo cáo Bộ

đề nghị phê duyệt kết quả tuyển dụng và ký hợp đồng làm việc lần đầu cho 03 giảng viên khoa Ngoại ngữ. Xét tuyển đặc cách cho 09 cán bộ phòng, ban.

Năm 2017, tiếp nhận 02 đồng chí, trong đó có 01 đồng chí giảng viên có trình độ tiến sĩ. Năm 2018 tiếp nhận 02 giảng viên có trình độ tiến sĩ, trong đó có 01 đồng chí có học hàm phó giáo sư.

- Công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ: Năm 2014 cử 171 lượt CB, GV đi đào tạo, bồi dưỡng, trong đó có 75 người học Cao học và 19 người học NCS (có 02 ở nước ngoài). Năm 2015 cử 169 lượt CB, GV đi đào tạo, bồi dưỡng. Năm 2016 cử 162 lượt cán bộ, giảng viên đi đào tạo, bồi dưỡng. Năm 2017 cử 87 lượt, năm 2018 cử 125 lượt, năm 2019 cử 156 lượt. Năm 2020 cử 80 lượt cán bộ, giảng viên đi học tập, bồi dưỡng. Giai đoạn 2015-2020, Nhà trường có 12 nghiên cứu sinh bảo vệ thành công luận án tiến sĩ.

+ Giảng viên có trình độ Tiến sĩ là $19/207 = 9\%$.

+ Giảng viên có trình độ Thạc sĩ là $183/207 = 88\%$.

2.2. Công tác đào tạo

- Về quy mô đào tạo:

+ Quy mô đào tạo hiện nay của trường khoảng 3.000 sinh viên quy đổi.

+ Loại hình đào tạo hiện nay gồm đại học chính quy dài hạn, đại học liên thông chính quy, đại học văn bằng 2, đại học tại chức và đào tạo thạc sĩ.

- Về nội dung, phương pháp dạy học:

+ Trường đã thực hiện rà soát nội dung, chỉnh sửa chương trình đào tạo đại học hệ chính quy năm 2014, năm 2016 và năm 2019; thực hiện quy trình đào tạo liên thông chặt chẽ, đảm bảo tính kế thừa giữa các ngành và các bậc đào tạo; Xây dựng và hoàn thiện chương trình đào tạo cho hệ vừa học, vừa làm.

+ Xây dựng và công bố chuẩn đầu ra cho sinh viên đại học chính quy, thạc sĩ nhằm đảm bảo chất lượng đào tạo theo quy định của Bộ Giáo dục và đào tạo

+ Thực hiện đổi mới nội dung, phương pháp dạy học, Trường đã triển khai xây dựng hệ thống kịch bản giảng dạy cho các học phần phục vụ giảng dạy theo hệ thống tín chỉ bậc đại học.

+ Xây dựng và mở 05 ngành đào tạo trình độ đại học năm 2013, mở 02 ngành đào tạo trình độ đại học năm 2017.

+ Thực hiện mở ngành đào tạo trình độ thạc sĩ từ năm 2018. Xây dựng nội dung, chương trình đào tạo thạc sĩ chuyên ngành Tài chính ngân hàng. Xây dựng và công bố chuẩn đầu ra cho học viên cao học nhằm đảm bảo chất lượng đào tạo theo quy định.

+ Tổ chức thường xuyên Hội giảng hàng năm nhằm đẩy mạnh phong trào thi đua giảng dạy tốt, đáp ứng nhu cầu xã hội.

+ Triển khai thực tập môn học, bảo vệ khóa luận, kiến tập sinh viên nhằm gắn đào tạo với thực tế.

- Về công tác quản lý đào tạo:

+ Triển khai phần mềm quản lý đào tạo đối với hệ đại học chính quy nhằm đưa ứng dụng công nghệ vào quản lý đối với tất cả các khóa, lớp học trong trường.

+ Thực hiện rà soát, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện quy chế đào tạo, quy chế thi, ra đề thi kết thúc học phần theo hệ thống tín chỉ cho phù hợp điều kiện thực tiễn.

+ Ban hành Quy chế đào tạo hệ vừa học vừa làm và quy chế đào tạo, cấp chứng chỉ và chương trình đào tạo môn học giáo dục thể chất.

+ Ban hành Quy chế đào tạo thạc sĩ phù hợp với điều kiện thực tế.

+ Đổi mới phương thức đào tạo gắn lý luận với thực tiễn, nâng cao năng lực thực hành nghề nghiệp, phát huy tính sáng tạo của người học.

2.3. Công tác đảm bảo chất lượng

- Rà soát, sửa đổi quy chế ra đề thi kết thúc học phần và quy định thi kết thúc học phần.

- Rà soát, sửa đổi và ban hành mới các quy định về: Khảo sát các bên liên quan; quy định đảm bảo chất lượng; quy định đối sánh...

- Thành lập Hội đồng đảm bảo chất lượng, mạng lưới đảm bảo chất lượng bên trong; Hội đồng tự đánh giá cơ sở giáo dục, Ban thư ký và các nhóm công tác.

- Xây dựng và triển khai Kế hoạch đảm bảo chất lượng hàng năm.

- Xây dựng và triển khai Kế hoạch tự đánh giá cơ sở giáo dục theo Thông tư số 12/2017/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Cử cán bộ, giảng viên tham gia tập huấn, học tập nâng cao trình độ chuyên môn về công tác đảm bảo chất lượng.

- Triển khai xây dựng được Bộ đề thi trắc nghiệm và ngân hàng đề thi tự luận. Tính đến ngày 30/11/2020 đã xây dựng được 84 Bộ đề thi trắc nghiệm và ngân hàng đề thi tự luận bậc đại học.

2.4. Công tác nghiên cứu khoa học và công nghệ

- Đã chỉnh sửa hoàn thiện Quy chế tổ chức và quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học - công nghệ thuộc Trường.

- Thực hiện 82 đề tài đổi mới phương pháp giảng dạy ở các Khoa, Bộ môn đáp ứng yêu cầu đào tạo theo hệ thống tín chỉ.

- Hoàn thành 04 đề tài cấp Bộ và tương đương; 99 đề tài cấp trường. Đã chuyển giao 35 đề tài nghiên cứu khoa học cho địa phương và doanh nghiệp.

- Tổ chức thành công nhiều hội thảo khoa học quốc gia và quốc tế. Nhà trường đã tổ chức thành công 7 cuộc Hội thảo khoa học quốc gia và 01 Hội thảo khoa học quốc tế.

- Nhà trường đã tổ chức tuyển chọn giáo trình sử dụng trong đào tạo bậc đại học. Bên cạnh đó khuyến khích biên soạn tài liệu học tập phục vụ đào tạo. Hiện tại đã biên soạn được 17 giáo trình, 106 đề cương bài giảng, 59 bộ câu hỏi bài tập

phục vụ giảng dạy bậc đại học. Tổ chức biên soạn được 14 tài liệu giảng dạy trình độ thạc sĩ.

- Cán bộ, giảng viên Nhà trường đã có 08 bài báo đăng trên tạp chí và hội thảo nước ngoài, 244 bài báo đăng trên tạp chí và hội thảo trong nước.

- Trường đã được Bộ Thông tin và Truyền thông cấp phép hoạt động Tạp chí Tài chính – Quản trị kinh doanh (Giấy phép số 723/GP-BTTTT ngày 29 tháng 12 tháng 2015 của Bộ Thông tin và Truyền thông).

2.5. Công tác hợp tác quốc tế

- Thực hiện trao đổi kinh nghiệm trong quản lý đào tạo với 08 đoàn cán bộ Trường Cao đẳng Tài chính Bắc Lào sang công tác tại Việt Nam.

- Tổ chức 8 khóa bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn cho cán bộ giảng viên Trường Cao đẳng Tài chính Bắc Lào với 18 chuyên đề.

- Tài trợ 2 suất học bổng học tiếng Việt cho giảng viên Trường Cao đẳng Tài chính Bắc Lào học tại Việt Nam.

- Hỗ trợ cơ sở vật chất phục vụ đào tạo cho Trường Cao đẳng Tài chính Bắc Lào: Biên dịch từ tiếng Việt sang tiếng Lào 3 đề cương bài giảng, trao tặng 14 máy chiếu dùng làm phương tiện giảng dạy.

- Từ năm 2009 đến nay, thực hiện hợp tác giúp đỡ Trường Cao đẳng Tài chính Bắc Lào được 2 Bộ Tài chính của 2 nước đánh giá cao.

- Năm 2018, Nhà trường đã ký Biên bản hợp tác với Trường Đại học Khonken – Thái Lan.

2.6. Cơ sở vật chất kỹ thuật và quản lý tài chính

2.6.1. Về cơ sở vật chất kỹ thuật

Trên cơ sở dự toán Bộ Tài chính giao, trường đã đầu tư có trọng tâm, trọng điểm cho các nội dung mua sắm trang thiết bị phục vụ giảng dạy, học tập và quản lý, tăng cường cơ sở vật chất, bám sát Chiến lược phát triển trường trong giai đoạn 2013 – 2020. Cụ thể:

- Về thực hiện Dự án mở rộng Trường: Đã tiến hành bàn giao thực địa đất thuộc dự án mở rộng trường đợt 1, tiến hành xây hàng rào, san gạt toàn bộ diện tích đất khu 11 ha.

- Về mua sắm tài sản, cải tạo cơ sở vật chất: Trường đã tiến hành nâng cấp hệ thống mạng Lan trong toàn trường; trang bị 3 phòng học đa năng, 01 phòng thực hành ngân hàng, lắp đặt hệ thống Camera giám sát; trang bị máy tính thư viện, điều hòa nhiệt độ tại các đơn vị, trang bị tài sản cho các phòng ở Ký túc xá A1, A2, A3 cơ sở 1 và C3, C4, C6 cơ sở 2; Xây dựng sân bóng rổ; Cải tạo giảng đường, mái Hội trường, ký túc xá, nhà Hiệu bộ cơ sở 1 và 2, xây dựng thêm 01 đơn nguyên nhà Hiệu bộ Cơ sở 1, nhà thể thao cơ sở 2.

2.6.2. Về quản lý tài chính

- Hoàn thiện quy chế tài chính áp dụng cho 03 trung tâm: Ngoại ngữ -Tin học; Dịch vụ tư vấn Tài chính - Kế toán; Trung tâm tư vấn định giá và Thẩm định giá.

- Hoàn thiện quy chế quản lý, sử dụng điện, nước trong trường. Xây dựng quy chế quản lý, sử dụng tài sản trong phòng ở ký túc xá.

- Đảm bảo cân đối được kinh phí thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm Bộ Tài chính đã giao, tập trung tăng cường cơ sở vật chất, thiết bị phục vụ giảng dạy, học tập.

- Giữ ổn định thu nhập của cán bộ viên chức.

3. Những tồn tại, hạn chế trong thực hiện Chiến lược giai đoạn 2013-2020

3.1. Công tác tổ chức cán bộ

- Đề án vị trí việc làm của trường đã trình Bộ nhưng chưa được phê duyệt.

- Số giảng viên đi học Nghiên cứu sinh chưa nhiều, đặc biệt là đi nghiên cứu sinh ở nước ngoài, do còn hạn chế về ngoại ngữ. Vì vậy, không đạt chỉ tiêu số giảng viên có trình độ tiến sĩ đến năm 2020 là 15%, trong đó có ít nhất 04 phó giáo sư.

- Phát triển đội ngũ viên chức cả về số lượng và chất lượng không đạt yêu cầu theo Chiến lược đã đề ra.

3.2. Công tác đào tạo

- Quy mô đào tạo giảm: Năm 2013, quy mô đào tạo của trường là 7.500 sinh viên. Do ảnh hưởng của suy thoái kinh tế, nhân lực khối ngành kinh tế dư thừa, năm 2019, quy mô đào tạo của trường chỉ đạt 3.000 sinh viên.

- Về ngành đào tạo: Chưa thực hiện đa dạng hóa ngành nghề đào tạo, chưa đào tạo đại học chất lượng cao do chưa đủ điều kiện theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

3.3. Công tác đảm bảo chất lượng

- Hệ thống đảm bảo chất lượng giáo dục trong Nhà trường chưa hoàn thiện. Đội ngũ cán bộ làm công tác đảm bảo chất lượng chưa được đào tạo, bồi dưỡng chuyên sâu. Chưa hoàn thành việc đánh giá ngoài chất lượng cơ sở giáo dục đại học.

- Kinh phí dành cho công tác đảm bảo chất lượng giáo dục còn hạn chế. Chưa có hướng dẫn về định mức chi cho hoạt động đảm bảo chất lượng giáo dục của Nhà trường.

- Một số cán bộ, viên chức chưa thấy rõ được tầm quan trọng của việc thực hiện và cải tiến giáo dục trong Nhà trường.

3.4. Công tác nghiên cứu khoa học và công nghệ

- Chưa có hoạt động chuyển giao công nghệ, kết quả nghiên cứu khoa học cho các doanh nghiệp do hoạt động nghiên cứu khoa học công nghệ chủ yếu phục

vụ cho đổi mới công tác quản lý, giảng dạy trong những năm đầu trở thành trường đại học.

- Hàng năm cán bộ, giảng viên Nhà trường đã có các bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học chuyên ngành. Tuy nhiên, số lượng bài báo nghiên cứu khoa học chưa nhiều, rất ít bài đăng trên tạp chí khoa học quốc tế.

3.5. Công tác hợp tác quốc tế

- Chưa thực hiện được mục tiêu liên kết Đại học tại Lào do Bộ Giáo dục Lào đang tổ chức kiểm định đánh giá hệ thống các trường đại học của Lào.

- Chưa thiết lập được quan hệ liên kết đào tạo thạc sĩ với trường đại học nước ngoài.

- Chưa khai thác được các nguồn tài trợ trong và ngoài nước trên phương diện hợp tác quốc tế.

3.6. Cơ sở vật chất kỹ thuật và quản lý tài chính

- Dự án mở rộng trường trên khu đất mới 14,3 ha không triển khai được. Bộ Tài chính đã có công văn đề nghị Nhà trường thực hiện thủ tục bàn giao lại đất cho tỉnh Hưng Yên.

- Việc đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin, phương tiện nghe nhìn phục vụ giảng dạy, học tập còn chưa thực sự hiện đại, đồng bộ do chưa xây dựng được đề án hiện đại hóa công nghệ thông tin, phương tiện nghe nhìn cho các phòng học của cả giai đoạn 2013 – 2015, 2016 -2020.

- Nguồn thu sự nghiệp của Trường giảm so với giai đoạn trước, quy mô sinh viên của trường năm 2019 khoảng 3.000 sinh viên. Các hoạt động dịch vụ ít phát triển, đóng góp nguồn thu cho trường là không đáng kể. Thu nhập của cán bộ, giảng viên và người lao động có xu hướng giảm.

4. Điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và thách thức

4.1. Điểm mạnh

1) Có bề dày truyền thống 55 năm đào tạo nguồn nhân lực về lĩnh vực tài chính, kế toán, quản trị kinh doanh... cho phát triển kinh tế xã hội của đất nước và ngành Tài chính.

2) Có đội ngũ giảng viên đáp ứng nhu cầu đào tạo, số giảng viên có trình độ sau đại học đạt chuẩn theo quy định của Nhà nước. Đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý có kinh nghiệm trong tổ chức, quản lý đào tạo và nghiên cứu khoa học.

3) Thực hiện chuyển đổi bước đầu thành công từ đào tạo theo niên chế sang đào tạo tín chỉ.

4) Có những ngành đào tạo thế mạnh được xã hội công nhận như: Tài chính ngân hàng, Kế toán, Kiểm toán, Quản trị kinh doanh.

5) Có cơ sở vật chất kỹ thuật đáp ứng quy mô đào tạo và nghiên cứu khoa học. Cơ sở vật chất đáp ứng nhu cầu nội trú, thể thao, văn hóa về cơ bản đáp ứng nhu cầu của sinh viên.

6) Đã duy trì sự phù hợp giữa quy mô đào tạo và các điều kiện đảm bảo chất lượng (đội ngũ giảng viên, cơ sở vật chất, khả năng tổ chức và quản lý...).

7) Có cơ chế khuyến khích cán bộ, giảng viên và sinh viên đẩy mạnh nghiên cứu khoa học.

8) Có năng lực và kinh nghiệm trong tổ chức hội thảo khoa học cấp quốc gia và quốc tế.

9) Tạp chí Tài chính – Quản trị kinh doanh đang từng bước trở thành ấn phẩm có uy tín.

10) Cán bộ, giảng viên và Nhà trường luôn tự đổi mới, đoàn kết cao.

4.2. Điểm yếu

1) Chưa áp dụng cách thức quản lý hiện đại theo bộ tiêu chuẩn chất lượng như ISO, TQM trong quản lý và chỉ đạo nhà trường.

2) Năng lực nghiên cứu và giảng dạy của một bộ phận giảng viên còn hạn chế. Số lượng giáo sư, phó giáo sư còn quá ít. Tỷ lệ giảng viên có trình độ tiến sĩ chưa đạt chuẩn quy định. Số giảng viên có khả năng giảng dạy bằng tiếng anh còn ít (khoảng 15%).

3) Chương trình đào tạo chưa thực sự đổi mới, chưa thực sự tiếp cận với những tiến bộ khoa học, công nghệ và hội nhập, thiếu trang bị kỹ năng mềm, chưa phát huy năng lực tự học và sáng tạo của người học. Chưa có chương trình đạt chuẩn được kiểm định theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Tin học hóa quản lý đào tạo và sinh viên chưa thật sự đáp ứng các yêu cầu của đào tạo tín chỉ.

4) Năng lực hội nhập quốc tế của Nhà trường trong đào tạo và nghiên cứu khoa học chưa đáp ứng yêu cầu. Hoạt động hợp tác quốc tế còn hạn chế.

5) Hoạt động quảng bá Nhà trường chưa bài bản, chưa chuyên nghiệp dẫn đến hoạt động chưa hiệu quả.

6) Dịch vụ tư vấn và hỗ trợ sinh viên chưa đầy đủ và hiệu quả. Việc điều tra, khảo sát để thu thập thông tin về chất lượng đào tạo từ các nhà tuyển dụng và cựu sinh viên chưa được chú ý đúng mức.

7) Công tác đảm bảo chất lượng (bao gồm cơ chế, chính sách, bộ máy, con người) cần cố gắng nhiều.

8) Nghiên cứu khoa học chưa trở thành nhu cầu thực sự của giảng viên. Tỷ lệ giảng viên chủ trì đề tài nghiên cứu khoa học trên tổng số giảng viên còn thấp. Phần lớn cán bộ giảng viên vẫn còn nặng tư duy bao cấp trong các hoạt động nghiên cứu khoa học. Có ít đề tài nghiên cứu khoa học được ứng dụng trong thực tế. Các đề tài thường có phạm vi cấp trường, có ít đề tài phạm vi cấp bộ và tương đương, chưa có đề tài cấp nhà nước. Chưa có cơ chế, chính sách đủ mạnh để khuyến khích giảng viên, sinh viên tích cực quan hệ kết nối và tìm kiếm các dự án. Chưa xây dựng được hợp tác bền vững, hiệu quả với các địa phương, trường, viện nghiên cứu, doanh nghiệp...

9) Trang thiết bị thực tập, thực hành chưa đồng bộ và chưa được khai thác có hiệu quả. Cơ sở vật chất đầu tư, sửa chữa còn dàn trải, mang tính chắp vá dẫn đến hiệu quả sử dụng không cao, nhanh hư hỏng. Thư viện còn nghèo nàn, chưa có nhiều dữ liệu phục vụ người học và giảng viên. Chưa đầu tư xây dựng thư viện điện tử, do đó chưa có mối liên kết với các thư viện ngoài trường. Hệ thống mạng nội bộ chưa ổn định. Trang Web còn sơ sài ít thông tin, chưa được hoàn thiện cả về nội dung và hình thức.

4.3. Cơ hội

1) Đảng và Nhà nước đã có chủ trương về đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục đại học Việt Nam.

2) Hội nhập quốc tế và khu vực ngày càng sâu rộng.

3) Luật Giáo dục đại học và Luật Giáo dục đại học sửa đổi đang giao quyền tự chủ mạnh mẽ cho các trường đại học.

4) Được sự quan tâm hỗ trợ của Bộ Tài chính, Bộ Giáo dục và Đào tạo, chính quyền địa phương các cấp nơi trường trú đóng.

5) Kinh tế, xã hội ngày càng tăng trưởng và phát triển mạnh mẽ, đặc biệt là sự phát triển mạnh mẽ của công nghệ thông tin và truyền thông.

6) Nhu cầu xã hội về đào tạo nguồn nhân lực có trình độ cao trong khối ngành kinh tế và quản lý ngày càng cao.

4.4. Thách thức

1) Xu hướng phát triển đại học đặt ra yêu cầu mỗi nhà trường cần đáp ứng đòi hỏi của “Kinh tế trí thức”.

2) Thị trường lao động biến động và phát triển, đòi hỏi trách nhiệm xã hội và năng lực nghiên cứu phát triển của trường đại học ngày càng cao.

3) Sự cạnh tranh giữa các trường đại học ngày càng tăng, đặc biệt là các ngành thuộc khối kinh tế rất gay gắt. Bên cạnh đó hội nhập quốc tế trong giáo dục với sự tham gia của các trường nước ngoài đã tạo ra những sức cạnh tranh mới.

4) Mâu thuẫn giữa nhu cầu nâng cao chất lượng đào tạo trong khi chi phí cho đào tạo thấp.

5) Một số chính sách của nhà nước về giáo dục và đào tạo nói chung, giáo dục đại học nói riêng còn nhiều bất cập.

6) Đầu tư của nhà nước cho đào tạo và khoa học công nghệ còn thấp, chưa tương xứng với vị thế của giáo dục.

7) Trường nằm ở tỉnh Hưng Yên, xa trung tâm thủ đô, nơi trung tâm văn hóa, xã hội của đất nước.

6) Trình độ học vấn và thu nhập của dân cư vùng nông thôn còn thấp.

Phần thứ ba
ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG KẾ HOẠCH CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN
TRƯỜNG GIAI ĐOẠN 2021- 2025, ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2030

1. Công tác đào tạo

1.1. Mục tiêu chung

Phấn đấu đến năm 2025, công tác đào tạo của Trường đáp ứng được nhu cầu nguồn nhân lực chất lượng cao, phục vụ sự phát triển kinh tế, xã hội khu vực các tỉnh phía Bắc và của ngành Tài chính.

1.2. Mục tiêu cụ thể và giải pháp thực hiện

1.2.1. Mở thêm từ 02-03 ngành trình độ đại học, từ 01-02 ngành trình độ thạc sĩ, tuyển sinh hàng năm đạt từ 700-1000 sinh viên quy đổi. Phấn đấu đến năm 2025, quy mô tối thiểu 4000 sinh viên quy đổi.

Giải pháp:

- Thực hiện rà soát ngành nghề đào tạo hiện có theo hướng phù hợp với thực tế hiện nay, đáp ứng sự đòi hỏi của xã hội.

- Xây dựng chương trình đào tạo linh hoạt, chú trọng các môn học cốt lõi, tạo điều kiện cho người học có thể học đồng thời 02 chương trình để tăng cơ hội việc làm sau khi ra trường.

- Tăng cường quảng bá, thực hiện kết nối với doanh nghiệp, các cơ quan đơn vị thuộc ngành tài chính đến cấp huyện, đa dạng hóa các hình thức truyền thông, quảng bá nhằm thu hút người học.

- Tiếp tục xây dựng chương trình đào tạo thạc sĩ theo định hướng ứng dụng đáp ứng nhu cầu người học.

- Tích cực tìm kiếm đầu ra cho sinh viên thông qua các chương trình hợp tác với doanh nghiệp, giới thiệu việc làm và từng bước thực hiện liên kết để đưa thực tập sinh ra nước ngoài.

1.2.2. Chương trình và phương thức đào tạo đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục, được cải tiến chất lượng liên tục. Nhà trường phấn đấu đến năm 2025 có từ 01-02 chương trình đào tạo chất lượng cao và áp dụng quản lý chất lượng đào tạo theo tiêu chuẩn ISO.

Giải pháp:

- Phát triển chương trình đào tạo cho các bậc học nhằm hướng tới phát triển năng lực người học.

- Cải tiến quy trình thiết kế, phát triển, giám sát, rà soát, thẩm định, phê duyệt và ban hành các chương trình đào tạo và chương trình môn học có sự đóng góp phản hồi của các bên liên quan để đảm bảo sự phù hợp và cập nhật, đáp ứng nhu cầu luôn thay đổi của xã hội.

- Thường xuyên rà soát, bổ sung, điều chỉnh chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo và các môn học để phù hợp với nhu cầu của các bên liên quan; bổ sung các chuyên đề về rèn luyện kỹ năng mềm, phát triển năng lực tự học, tự nghiên cứu, năng lực làm việc nhóm, giao tiếp, tư duy, phản biện và tự học suốt đời ... cho người học.

- Nghiên cứu xây dựng chương trình đào tạo chất lượng cao, chú trọng phát triển kỹ năng làm việc trong môi trường có yếu tố nước ngoài; xây dựng chương trình đào tạo đạt tiêu chuẩn về kiểm định chương trình đào tạo.

- Tăng cường liên thông giữa các ngành đào tạo nhằm tạo điều kiện linh hoạt để sinh viên học 2 ngành cùng một lúc và người đã tốt nghiệp học văn bằng 2. Nghiên cứu xem xét phát triển chương trình liên thông, liên kết quốc tế với mô hình phù hợp.

1.2.3. Giảng dạy và học tập bảo đảm phát triển năng lực người học theo tiêu chuẩn quốc gia và từng bước tiếp cận tiêu chuẩn quốc tế.

Giải pháp:

- Thiết lập hệ thống lựa chọn các hoạt động dạy học phù hợp với phương thức đào tạo và triết lý giáo dục trải nghiệm đáp ứng chuẩn đầu ra.

- Xây dựng hệ thống thu hút, tuyển chọn đội ngũ giảng viên, phân công nhiệm vụ dựa trên trình độ chuyên môn, thành tích chuyên môn và kinh nghiệm.

- Tăng cường dự giờ trao đổi kinh nghiệm, tiếp tục tổ chức hội thi xét giảng viên giỏi, cải tiến các hoạt động dạy học theo định hướng lấy người học làm trung tâm, đáp ứng chuẩn đầu ra và được giám sát để đảm bảo và cải tiến chất lượng.

- Thường xuyên cải tiến sinh hoạt chuyên môn, tạo điều kiện cho giảng viên giao lưu, trao đổi, chia sẻ tài nguyên học liệu và kinh nghiệm dạy học, nghiên cứu khoa học; rèn luyện tính tự tin, kỹ năng làm việc nhóm và năng lực sử dụng ngoại ngữ.

- Thực hiện mời các chuyên gia trong và ngoài nước có kinh nghiệm tập huấn cho cán bộ, giảng viên về phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá; tăng cường trao đổi học giả với các trường đại học trong và ngoài nước để nâng cao năng lực cho giảng viên và cập nhật phương pháp giảng dạy học hiện đại, tiên tiến.

- Tăng cường liên kết với các doanh nghiệp, các cơ sở sản xuất, các nhà tuyển dụng để gắn quá trình đào tạo với thực tiễn; tích cực cử giảng viên đi thực tế tại các doanh nghiệp, đơn vị sử dụng lao động để trải nghiệm thực tế.

1.2.4. Hoạt động kiểm tra đánh giá theo năng lực người học, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và đạt được chuẩn đầu ra. Phấn đấu đến năm 2025, 100% học phần có ngân hàng đề thi tự luận hoặc Bộ đề thi trắc nghiệm.

Giải pháp:

- Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện hệ thống văn bản, công cụ hỗ trợ cho hoạt động kiểm tra, đánh giá để thiết lập được hệ thống kế hoạch và lựa chọn các loại hình đánh giá người học phù hợp trong quá trình đào tạo.

- Phát triển hệ thống ngân hàng đề thi tự luận, bộ đề thi trắc nghiệm và các hình thức kiểm tra đánh giá năng lực khác phù hợp với việc đạt được chuẩn đầu ra.

- Thường xuyên rà soát, cải tiến nội dung và phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả người học theo hướng đánh giá năng lực người học, đảm bảo tính đa dạng, độ giá trị, độ tin cậy, khách quan và công bằng đáp ứng chuẩn đầu ra.

- Thường xuyên thu thập thông tin phản hồi về kết quả kiểm tra đánh giá người học để rà soát, điều chỉnh hoạt động kiểm tra đánh giá nhằm đảm bảo độ chính xác, tin cậy, công bằng và hướng tới chuẩn đầu ra.

1.2.5. Hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học đạt hiệu quả đồng bộ với mục tiêu đào tạo.

Giải pháp:

- Lập kế hoạch ngắn hạn, trung hạn và dài hạn triển khai hoạt động phục vụ, hỗ trợ người học và hệ thống giám sát người học dựa trên chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị và các cá nhân liên quan.

- Rà soát, đánh giá hiệu quả hoạt động của các đơn vị liên quan đến hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học.

- Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và kỹ thuật tiên tiến vào quá trình dạy học và kiểm tra đánh giá; Tăng cường nguồn học liệu có chất lượng, biên soạn, xuất bản giáo trình; Phát triển nguồn học liệu mở; Đầu tư bổ sung trang thiết bị phục vụ dạy và học; Xây dựng không gian học tập linh hoạt phục vụ nhu cầu học tập, nghiên cứu của người học.

- Định kỳ lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan để rà soát, cải tiến hoạt động phục vụ, hỗ trợ người học và hệ thống giám sát người học dựa trên chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị và cá nhân liên quan.

- Thường xuyên cải tiến các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học cũng như hệ thống giám sát người học để đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan.

1.2.6. Tăng tỷ lệ người học tốt nghiệp đúng hạn và có việc làm sau khi ra trường.

Giải pháp:

- Thực hiện hiệu quả công tác thống kê dữ liệu về tỷ lệ người học đạt yêu cầu, tỷ lệ thôi học và thời gian tốt nghiệp trung bình cho tất cả các ngành đào tạo, các học phần được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến phù hợp với thực tiễn.

- Thực hiện có hiệu quả công tác cố vấn học tập, đặc biệt trong việc tư vấn lập kế hoạch học tập, lựa chọn môn học và có kế hoạch đào tạo phù hợp để tăng tỷ lệ người học tốt nghiệp đúng hạn và có kết quả tốt nghiệp cao.

- Tăng cường kỹ năng tin học, ngoại ngữ và kỹ năng mềm cho sinh viên trước khi tốt nghiệp ra trường.

- Thiết lập và vận hành có hiệu quả hệ thống kết nối cựu sinh viên để thu thập thông tin về việc làm của sinh viên và cải tiến chương trình đào tạo.

- Thường xuyên cải tiến chương trình đào tạo, tăng cường chất lượng phục vụ người học, từ đó nâng cao chất lượng đào tạo để tăng tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp đúng hạn và có việc làm sau khi ra trường.

2. Công tác Tổ chức – Phát triển đội ngũ

2.1. Mục tiêu chung

Xây dựng đội ngũ cán bộ, viên chức và người lao động có đủ phẩm chất, năng lực, số lượng và cơ cấu hợp lý, đảm bảo sự chuyển tiếp vững vàng, liên tục giữa các thế hệ.

Xây dựng bộ máy quản lý hợp lý, đảm bảo tinh gọn, hiệu quả, đủ năng lực quản trị mọi mặt hoạt động của Nhà trường.

2.2. Mục tiêu cụ thể và giải pháp thực hiện

2.2.1. Hoàn thiện hệ thống quản trị, cơ chế quản lý của Nhà trường và cơ cấu tổ chức phù hợp với tình hình thực tiễn cũng như xu thế phát triển hiện nay.

Giải pháp:

- Kiện toàn Hội đồng trường nhiệm kỳ 2020-2025 theo tinh thần Luật Giáo dục đại học sửa đổi; Nghị định số 99/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giáo dục đại học sửa đổi và các văn bản hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo; Quyết định số 1483/QĐ-BTC ngày 30/9/2020 của Bộ Tài chính về việc ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng trường.

- Hoàn thiện cơ cấu tổ chức, nhân sự hiện nay. Xây dựng chức năng, nhiệm vụ, quy chế tổ chức hoạt động, quy trình giải quyết công việc, nguyên tắc phối hợp giữa bộ máy quản trị, quản lý và các đơn vị để tạo sự năng động, đồng bộ và hiệu quả trong điều hành và quản lý Nhà trường.

- Thực hiện tái cấu trúc các đơn vị trong Nhà trường để có được mô hình cơ cấu hợp lý, tinh gọn, linh hoạt và sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực, cơ sở vật chất và các nguồn lực khác.

- Đẩy mạnh cải cách hành chính, ứng dụng tối đa công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành các hoạt động của Nhà trường.

2.2.2. Nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên, viên chức hành chính và cán bộ quản lý đáp ứng yêu cầu phát triển và hội nhập quốc tế. Đến năm 2025, quy mô nguồn nhân lực còn khoảng 250 viên chức, trong đó tỷ lệ giảng viên có trình độ tiến sĩ 25%, thạc sĩ 75%, tỷ lệ giảng viên có chức danh giáo sư, phó giáo sư là 2,5%.

Giải pháp:

- Có kế hoạch sử dụng, bồi dưỡng và phát triển đội ngũ giảng viên và cán bộ hành chính, quy hoạch bổ nhiệm cán bộ quản lý đáp ứng đầy đủ nhu cầu của hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng.

- Hoàn thiện các quy chế về công tác cán bộ bao gồm: quy chế về tuyển dụng, quản lý và sử dụng; Quy chế về đào tạo, bồi dưỡng; Quy chế về quy hoạch, bổ nhiệm,... được công khai, minh bạch và đáp ứng ngày càng cao về tiêu chuẩn giảng viên và cán bộ quản lý.

- Tiếp tục rà soát, hoàn thiện đề án vị trí việc làm, xác định số lượng người làm việc và tiêu chuẩn năng lực chung, năng lực đặc thù của từng nhóm hoặc từng vị trí việc làm.

- Xây dựng đề án đào tạo bồi dưỡng cán bộ, trong đó có quy hoạch và kế hoạch đào tạo bồi dưỡng ngắn hạn và dài hạn về lý luận chính trị, ngoại ngữ, tin học, năng lực quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên.

- Đẩy mạnh dân chủ hóa Nhà trường, thực hiện tốt các quyền và nghĩa vụ của đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên bao gồm chế độ chính sách theo quy định, chế độ khen thưởng, ghi nhận và kế hoạch bồi dưỡng.

- Có chính sách tạo nguồn, thu hút nhân tài để tuyển dụng được những người có trình độ chuyên môn giỏi về Trường công tác, đặc biệt là những người có trình độ tiến sĩ trở lên.

- Thường xuyên rà soát, bổ sung, cải tiến các chế độ, chính sách, quy trình và quy hoạch nguồn nhân lực để hỗ trợ đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng.

3. Công tác nghiên cứu khoa học và công nghệ

3.1. Mục tiêu chung

Hoạt động nghiên cứu khoa học và công nghệ góp phần nâng cao chất lượng giáo dục đào tạo theo hướng hiện đại, tạo điều kiện để Nhà trường phát triển bền vững, đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng.

3.2. Mục tiêu cụ thể và giải pháp thực hiện

3.2.1. Mở rộng quy mô, lĩnh vực nghiên cứu, ưu tiên các hướng nghiên cứu mà Nhà trường có thế mạnh về kinh tế, tài chính, kế toán, quản trị kinh doanh.

Giải pháp:

- Khuyến khích cán bộ, giảng viên phát triển mạnh mẽ công tác nghiên cứu khoa học. Coi nghiên cứu khoa học là nhiệm vụ trọng tâm, hàng đầu của giảng viên. Nhà trường cần nghiên cứu có những chính sách hỗ trợ, tạo động lực cho nghiên cứu khoa học và công nghệ.

- Xây dựng và triển khai mạnh mẽ các giáo trình, tài liệu phục vụ giảng dạy. Đặc biệt mời các chuyên gia có kiến thức thực tiễn tham gia vào quá trình biên soạn giáo trình, tài liệu học tập.

- Tăng cường hợp tác về nghiên cứu khoa học công nghệ với các đối tác địa phương và ngành tài chính và đặc biệt là với các đối tác nước ngoài.

- Đẩy nhanh việc thành lập và hoạt động các nhóm nghiên cứu chuyên sâu hoặc ứng dụng trong Nhà trường.

- Tăng cường các chính sách khuyến khích đối với các công trình công bố quốc tế.

3.2.2. Nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động nghiên cứu khoa học.

Giải pháp:

- Phát triển mạnh mẽ nguồn nhân lực nghiên cứu khoa học, đặc biệt là đội ngũ giảng viên và người có trình độ cao.

- Hoàn thiện các cơ chế chính sách thúc đẩy hoạt động nghiên cứu khoa học và công nghệ.

- Đầu tư có chọn lọc cho các đề tài, đề án nghiên cứu khoa học và công nghệ ứng dụng vào thực tiễn.

- Cập nhật kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ vào chương trình đào tạo của Nhà trường.

3.2.3. Tăng cường hoạt động nghiên cứu khoa học của người học. Phấn đấu mỗi năm có từ 15 đến 20 đề tài nghiên cứu khoa học trong sinh viên và học viên.

Giải pháp:

- Tăng cường công tác tuyên truyền công tác nghiên cứu khoa học trong sinh viên.

- Gắn kết các đề tài nghiên cứu khoa học của sinh viên, đề tài luận văn thạc sĩ của học viên cao học với đề tài nghiên cứu khoa học của giảng viên.

- Ban hành các chính sách khuyến khích người học nghiên cứu khoa học như: chuyển điểm nghiên cứu khoa học thay thế điểm môn học phù hợp, lấy tiêu chí tham gia nghiên cứu khoa học khi xét kết nạp đảng...

3.2.4. Phát triển hệ thống thông tin nghiên cứu khoa học và công nghệ với quảng bá.

Giải pháp:

- Xây dựng và kết nối cơ sở dữ liệu về nghiên cứu khoa học.

- Phát triển và nâng cao chất lượng Tạp chí Tài chính – Quản trị kinh doanh.

- Tăng cường trao đổi thông tin khoa học công nghệ trên Internet.

- Định kỳ tổ chức các sự kiện nghiên cứu khoa học và công nghệ.

3.2.5. Đẩy mạnh các hoạt động phát triển nguồn thu từ hoạt động nghiên cứu khoa học.

Giải pháp:

- Phấn đấu thực hiện chuyển giao công nghệ với doanh nghiệp hoặc tổ chức xã hội, chuyển giao tri thức, thương mại hóa sản phẩm nghiên cứu.

- Đưa Tạp chí Tài chính – Quản trị kinh doanh vào danh mục tạp chí có tính điểm của Hội đồng giáo sư Nhà nước, tiến tới có thu phí phản biện.

- Khai thác hợp lý các khoản phí từ việc tổ chức Hội thảo khoa học quốc gia và quốc tế.

3.2.6. Tăng cường công tác sở hữu trí tuệ trong hoạt động nghiên cứu khoa học và công nghệ.

- Nghiên cứu ban hành các văn bản liên quan đến công tác sở hữu trí tuệ trong hoạt động nghiên cứu khoa học và công nghệ.

- Hướng dẫn các giảng viên, các nhà khoa học trong Trường thực hiện có hiệu quả vấn đề bản quyền và đăng ký bản quyền tác giả đối với các công trình nghiên cứu khoa học.

4. Công tác hợp tác quốc tế

4.1. Mục tiêu chung

Hoạt động hợp tác quốc tế góp phần nâng cao chất lượng giáo dục theo hướng hiện đại, tiếp cận nền giáo dục tiên tiến trong khu vực và trên thế giới; tạo điều kiện để Nhà trường phát triển bền vững, đào tạo nguồn nhân lực có trình độ và chất lượng cao cho đất nước.

4.2. Mục tiêu cụ thể và giải pháp thực hiện

4.2.1. Mở rộng các loại hình hoạt động hợp tác quốc tế trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập.

Giải pháp:

- Hợp tác nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ, tổ chức và tham gia hội nghị, hội thảo khoa học.

- Bồi dưỡng, trao đổi cán bộ, giảng viên và người học.

- Triển khai các chương trình liên kết đào tạo.

- Liên kết thư viện, trao đổi thông tin phục vụ hoạt động đào tạo, khoa học, công nghệ; cung ứng chương trình đào tạo; trao đổi các ấn phẩm, tài liệu và kết quả hoạt động đào tạo, khoa học, công nghệ.

4.2.2. Hoàn thiện hệ thống quản lý hoạt động hợp tác quốc tế.

Giải pháp:

- Nâng cao năng lực đơn vị chuyên trách quản lý hoạt động hợp tác quốc tế của Nhà trường và các cá nhân liên quan ở các đơn vị.

- Hoàn thiện quy định quản lý hoạt động hợp tác quốc tế của Trường trên cơ sở các quy định của pháp luật liên quan đến hoạt động hợp tác quốc tế.

- Phối hợp với các cơ quan hữu quan đảm bảo an ninh, trật tự, an toàn xã hội trong các hoạt động hợp tác quốc tế.

- Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý hoạt động hợp tác quốc tế.

- Xây dựng cơ sở dữ liệu và hệ thống thông tin về hoạt động hợp tác quốc tế.

4.2.3. *Tăng cường năng lực về cơ sở vật chất và tài chính phục vụ hoạt động hợp tác quốc tế.*

Giải pháp:

- Tổ chức huy động các nguồn tài chính khác nhau cho hoạt động hợp tác quốc tế; quản lý, sử dụng nguồn tài chính theo nguyên tắc công khai, hiệu quả theo các quy định của pháp luật.

- Nghiên cứu xây dựng và triển khai thực hiện các chương trình hợp tác quốc tế.

5. Công tác đảm bảo chất lượng

5.1. Mục tiêu chung

Xây dựng và phát triển hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong, thực hiện kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục và kiểm định chương trình đào tạo, tạo bước chuyên biến tích cực trong công tác đảm bảo chất lượng Trường Đại học Tài chính – Quản trị kinh doanh. Xây dựng văn hóa chất lượng dựa trên giá trị cốt lõi của Nhà trường.

5.2. Mục tiêu cụ thể và giải pháp thực hiện

5.2.1. Nâng cao hiệu quả của hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong.

Giải pháp:

- Rà soát và củng cố hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong, hệ thống thông tin đảm bảo chất lượng, cập nhật kế hoạch đảm bảo chất lượng của Nhà trường, của từng đơn vị.

- Tiếp tục rà soát, cập nhật Đề án vị trí việc làm; rà soát, điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị sau khi cập nhật vị trí việc làm.

- Nghiên cứu triển khai xây dựng và áp dụng quản lý ISO vào quản trị; ban hành và hoàn thiện quy chế hoạt động của các đơn vị trực thuộc.

- Xây dựng nội dung, hình thức và phương pháp bồi dưỡng nâng cao năng lực và chuyên nghiệp hóa cho đội ngũ cán bộ, chuyên viên làm công tác đảm bảo chất lượng.

- Tăng cường hoạt động quản lý, giám sát, kiểm tra của các đơn vị chức năng (Phòng Khảo thí và Quản lý chất lượng, Phòng Tổ chức Cán bộ) trong việc thực hiện chức năng nhiệm vụ của các đơn vị.

- Xây dựng và thực hiện các đề án phát triển đảm bảo chất lượng nhằm khai thác các nguồn lực tài chính từ ngân sách nhà nước, đầu tư của tổ chức và cá nhân trong nước và quốc tế để thực hiện chiến lược và các kế hoạch đảm bảo chất lượng.

5.2.2. Thực hiện công tác kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục vào năm 2021, kiểm định chương trình đào tạo vào năm 2022, hoàn thành kiểm định các chương trình đào tạo vào năm 2025.

Giải pháp:

- Huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực để thực hiện công tác tự đánh giá và kiểm định, đặc biệt là nguồn nhân lực và tài chính.

- Đầu tư cải tiến nâng cao chất lượng theo kế hoạch hoạt động sau khi thực hiện kiểm định và đánh giá ngoài.

5.2.3. Tăng cường hiệu quả công tác thông tin phản hồi của các bên liên quan.

Giải pháp:

- Mở rộng và đẩy mạnh khảo sát ý kiến người học, ý kiến các bên liên quan về các mặt hoạt động của Nhà trường.

- Xử lý thông tin phản hồi, cung cấp cho các đơn vị phục vụ việc cải tiến chất lượng và công tác kiểm định chất lượng.

- Xây dựng hệ thống quản lý thông tin và số hóa các văn bản, tài liệu để tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động đảm bảo chất lượng và kiểm định chất lượng.

6. Công tác phục vụ cộng đồng và truyền thông

6.1. Mục tiêu chung

Tăng cường các hoạt động phục vụ cộng đồng, mở rộng và đa dạng hóa hình thức truyền thông kết nối giữa Nhà trường và xã hội để nâng cao vị trí, vai trò của Nhà trường đối với xã hội, góp phần mở rộng quy mô và nâng cao chất lượng đào tạo của Nhà trường.

6.2. Mục tiêu cụ thể và giải pháp thực hiện

6.2.1. Tăng cường các hoạt động phục vụ cộng đồng.

Giải pháp:

- Kết nối và thúc đẩy việc bồi dưỡng ngoại ngữ, tin học, kế toán trưởng... thi cấp chứng chỉ cho các cá nhân và đơn vị ngoài xã hội có nhu cầu.

- Tiến hành các đề tài, đề án gắn với sản xuất, kinh doanh, quản lý của địa phương, của ngành Tài chính theo nhu cầu xã hội.

- Chú trọng kết quả đào tạo, kết quả nghiên cứu khoa học, kết quả phục vụ cộng đồng, kết quả tài chính và thị trường giáo dục.

6.2.2. Mở rộng, đa dạng hóa hình thức truyền thông nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động truyền thông.

Giải pháp:

- Nâng cao giá trị thương hiệu của Nhà trường.

- Xây dựng và truyền tải hình ảnh thương hiệu Trường Đại học Tài chính – Quản trị kinh doanh là một trường đại học về các lĩnh vực Tài chính, kế toán, kinh tế và quản trị kinh doanh đạt đẳng cấp quốc gia.

- Thành lập bộ phận chuyên trách công tác truyền thông trong Nhà trường

7. Công tác cơ sở vật chất và tài chính

7.1. Mục tiêu chung

Tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện đại đáp ứng nhu cầu nâng cao chất lượng đào tạo, nghiên cứu khoa học, quản lý, ứng dụng thực tế và các hoạt động khác của Trường; đảm bảo ổn định và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho cán bộ, viên chức và người lao động của Trường.

7.2. Mục tiêu cụ thể và giải pháp thực hiện

7.2.1. Sự phù hợp của cơ sở vật chất, cơ sở hạ tầng, trang thiết bị, nguồn tài liệu, các phần mềm với chương trình đào tạo, nghiên cứu khoa học. Sự phù hợp của quy hoạch phân khu với cơ chế quản lý của Nhà trường.

Giải pháp:

Rà soát đánh giá chất lượng, mức độ phù hợp của cơ sở vật chất, cơ sở hạ tầng, trang thiết bị, phần mềm dạy học, quản lý, nguồn tài liệu với chương trình đào tạo, phương pháp nghiên cứu khoa học; mức độ phù hợp của cơ chế quản lý của Nhà trường đối với quy hoạch phân khu chức năng, cụ thể: hệ thống phòng học, giảng đường, phòng họp, hội trường, phòng thực hành, thư viện, phòng máy tính....

7.2.2. Quy chế phối hợp, quy trình quản lý và kế hoạch đầu tư, nâng cấp, bảo trì bảo dưỡng cơ sở vật chất, cơ sở hạ tầng, trang thiết bị, phần mềm dạy học, quản lý, các tài liệu phục vụ dạy học và nghiên cứu.

Giải pháp:

- Xây dựng kế hoạch đầu tư mới, nâng cấp, bảo trì, bảo dưỡng cơ sở vật chất, cơ sở hạ tầng, trang thiết bị và công cụ dạy học và hướng dẫn thực hành, nghiên cứu.

- Xây dựng kế hoạch bổ sung, cập nhật nguồn học liệu, giáo trình, phần mềm quản lý, phần mềm ứng dụng phục vụ công tác đào tạo, nghiên cứu... đủ về số lượng, đa dạng về lĩnh vực và đảm bảo đồng bộ, hiện đại phù hợp với chương trình đào tạo, hình thức đào tạo và nghiên cứu khoa học.

- Xây dựng hệ thống các quy định, quy trình kiểm tra giám sát, báo cáo định kỳ công tác sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng và nâng cấp cơ sở vật chất, cơ sở hạ tầng, trang thiết bị, công cụ dạy học.

- Xây dựng quy chế phối hợp với các đơn vị quản lý tại địa phương về vệ sinh môi trường, an toàn phòng cháy chữa cháy, an ninh trật tự ... để đảm bảo an ninh trật tự, an toàn cho cán bộ viên chức, sinh viên, học viên.

7.2.3. Cơ sở vật chất, cơ sở hạ tầng, trang thiết bị, phần mềm dạy học, quản lý, các tài liệu đảm bảo đồng bộ, hiện đại phù hợp với hình thức đào tạo, nghiên cứu khoa học và mô hình quản trị Nhà trường.

Giải pháp:

- Tiếp tục đầu tư, cải tạo nâng hệ thống phòng học, giảng đường, phòng thực hành, thư viện, ký túc xá đảm bảo các quy định hiện hành về số lượng, diện tích, an toàn về môi trường và khả năng tiếp cận của người học và phù hợp với chương

trình đào tạo, nghiên cứu khoa học; có không gian học tập chung, không gian nghỉ giải lao và phù hợp.

+ Tiếp tục đầu tư, nâng cấp, mở rộng cơ sở hạ tầng thông tin và phần mềm quản lý đảm bảo thông suốt đáp ứng nhu cầu đào tạo, nghiên cứu khoa học và quản lý trong Nhà trường.

+ Tiếp tục đầu tư nâng cấp hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu điện tử, cập nhật bổ sung nguồn tài liệu, mở rộng liên kết và nâng cao các hoạt động của thư viện đáp ứng nhu cầu của người học.

+ Nâng cấp, đầu tư trang thiết bị hiện đại cho các phòng thực hành, phòng học phù hợp với chương trình đào tạo, hình thức đào tạo và nghiên cứu khoa học.

+ Thường xuyên phối kết hợp với các đơn vị quản lý tại địa phương về vệ sinh môi trường, an toàn phòng cháy chữa cháy, an ninh trật tự để đảm bảo an ninh trật tự, an toàn cho cán bộ viên chức, học sinh, sinh viên, học viên, nghiên cứu sinh.

- Tập trung tăng cường khai thác tối đa các nguồn vốn từ ngân sách để thực hiện nâng cấp cơ sở vật chất, cơ sở hạ tầng và trang thiết bị theo kế hoạch.

7.2.4. Xây dựng hệ thống kế hoạch, triển khai, kiểm toán, tăng cường nguồn lực tài chính của Nhà trường bằng việc tăng cường khai thác và đa dạng hoá các nguồn thu, nguồn lực đầu tư; đảm bảo tính kế hoạch, hiệu quả, minh bạch trong điều hành ngân sách để phục vụ cho việc thực hiện sứ mạng, tầm nhìn và các mục tiêu chiến lược trong đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng.

Giải pháp:

- Xây dựng kế hoạch và triển khai việc sử dụng hiệu quả nguồn đầu tư từ ngân sách nhà nước; khai thác tốt các nguồn thu và nâng cao khả năng tự chủ về tài chính, tạo các nguồn tài chính hợp pháp, đáp ứng các hoạt động của trường.

- Hoàn thiện hệ thống văn bản về quản lý và sử dụng các nguồn kinh phí từ đó chuẩn hóa, công khai hóa, minh bạch và tuân thủ các quy định về lập kế hoạch và quản lý tài chính.

- Đảm bảo sự phân bổ, sử dụng tài chính hợp lý, minh bạch và hiệu quả cho các hoạt động của Nhà trường. Thực hiện kiểm tra, kiểm toán việc quản lý sử dụng các nguồn lực để đánh giá hiệu quả sử dụng trong hoạt động của Trường.

Phần thứ tư

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều chỉnh, bổ sung Chiến lược phát triển Trường Đại học Tài chính – Quản trị kinh doanh giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 được thực hiện thông qua kế hoạch 5 năm và được cụ thể hóa thành kế hoạch, nhiệm vụ năm học của Nhà trường, được phổ biến rộng rãi đến từng phòng, ban, trung tâm, khoa và các bộ môn trực thuộc trong toàn Trường. Tổ chức thực hiện thắng lợi Chiến lược phát triển Trường giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 là nhiệm vụ trọng tâm của Trường Đại học Tài chính – Quản trị kinh doanh.

Các đơn vị trong Trường xây dựng kế hoạch, nhiệm vụ năm học của đơn vị mình trên cơ sở kế hoạch, nhiệm vụ chung của Nhà trường và tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch đề ra. Các tổ chức Công đoàn, Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên chủ động, sáng tạo xây dựng kế hoạch hành động thực hiện Điều chỉnh, bổ sung Chiến lược phát triển Đại học Tài chính – Quản trị kinh doanh.

Hàng năm, Nhà trường tổ chức đánh giá việc thực hiện Chiến lược (vào dịp tổ chức hội nghị cán bộ, viên chức và tổng kết năm học), trên cơ sở đó xác định, điều chỉnh mục tiêu, chỉ tiêu của Nhà trường trong năm học tiếp theo cho phù hợp với thực tiễn.

Đến năm 2025, sẽ tổ chức đánh giá toàn diện Chiến lược của Nhà trường, làm căn cứ cho việc xây dựng và thực hiện Chiến lược phát triển cho giai đoạn tiếp theo.